

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 732 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số: 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy chế về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2820/TTr-STNMT ngày 14/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc **kể từ ngày ban hành Quyết định này**, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC được công bố để tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

b) Xây dựng nội dung cụ thể của TTHC được công bố để: Đăng tải công khai đầy đủ Danh mục, nội dung của từng TTHC trên Trang thông tin điện tử thành phần của Sở, niêm yết công khai tại cơ quan; trực tiếp thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC theo đúng quy định pháp luật; thực hiện đăng nhập các TTHC được công bố tại Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; gửi nội dung cụ thể của TTHC được công bố đến Sở Thông tin và Truyền thông để thiết lập lên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và gửi Văn phòng UBND tỉnh để theo dõi, kiểm soát nội dung thực hiện.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan đăng tải công khai nội dung cụ thể TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

3. UBND cấp huyện

Thực hiện niêm yết công khai kịp thời, đầy đủ Danh mục và nội dung cụ thể từng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định; đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của địa phương và thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC theo quy định của pháp luật và theo nội dung công bố tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành **kể từ ngày 01/7/2024**. Các TTHC và quy trình nội bộ giải quyết TTHC trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện được công bố tại các Quyết định: số 185/QĐ-UBND ngày 13/02/2023, số 422/QĐ-UBND ngày 03/4/2023, số 775/QĐ-UBND ngày 22/5/2023, số 893/QĐ-UBND ngày 13/6/2023, số 1560/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTN, CTTĐT;
- Lưu: VT, TTHC_(pvt).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Hoàng Tuấn

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ VÀ BỊ BỎ TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

(Công bố kèm theo Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	23 ngày	Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh (Địa chỉ: Số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.quangngai.gov.vn/; https://dichvucong.gov.vn.	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.
2	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	08 ngày làm việc			- Luật Tài nguyên nước 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.
3	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	14 ngày			- Luật Tài nguyên nước 2023. - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT.
4	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	30 ngày			- Luật Tài nguyên nước 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.
5	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	30 ngày			- Luật Tài nguyên nước 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.
6	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	26 ngày			

PHẦN II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	1.004232	45 ngày	Nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh, địa chỉ: Số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.quangngai.gov.vn/; https://dichvucong.gov.vn	Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Sửa đổi Cấp có thẩm quyền quyết định; thành phần hồ sơ; thời hạn giải quyết TTHC
2	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	1.004228	38 ngày			Sửa đổi Cấp có thẩm quyền quyết định; thành phần hồ sơ; thời hạn giải quyết TTHC
3	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	1.004223	45 ngày			Sửa đổi thời hạn giải quyết TTHC
4	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	1.004211	38 ngày			Sửa đổi thời hạn giải quyết TTHC
5	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	1.004122	24 ngày			Sửa đổi thời hạn giải quyết
6	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	2.001738	17 ngày			Sửa đổi thời hạn giải quyết

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
7	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	1.004253	08 ngày làm việc			Sửa đổi thời hạn giải quyết
8	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	1.009669	26 ngày			Sửa đổi thời hạn giải quyết
9	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	2.001770	* 45 ngày đối với trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước. * 38 ngày đối với trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều			Sửa đổi thời hạn giải quyết

STT	Tên TTHC	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
			chính giấy phép khai thác tài nguyên nước.			
10	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	1.004283	21 ngày			Sửa đổi thời hạn giải quyết
11	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	1.011516	14 ngày			Sửa đổi thời hạn giải quyết; thẩm quyền quyết định

PHẦN III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC thay thế	Ghi chú
1	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao	Cấp giấy Phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)	1.004179	45 ngày	Nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh, địa chỉ: Số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.quang-ngai.gov.vn/ ; https://dichvucong.gov.vn	Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Thay thế tên TTHC; sửa đổi thời hạn giải quyết

STT	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC thay thế	Ghi chú
	gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm						
2	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	1.004167	38 ngày			Thay thế tên TTHC; sửa đổi thời hạn giải quyết

STT	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC thay thế	Ghi chú
	đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm						Thay thế tên TTHC; sửa đổi thời hạn giải quyết; thẩm quyền quyết định (bỏ Số Tài nguyên và Môi trường)
3	Trả lại giấy phép tài nguyên nước	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	1.011518	23 ngày			
4	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	1.000824	17 ngày			
5	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm	2.001850	49 ngày			Thay thế tên TTHC; sửa đổi

STT	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC thay thế	Ghi chú
	hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện					thời hạn giải quyết
6	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giây trở lên	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	1.001740	56 ngày			Thay thế tên TTHC; sửa đổi thời hạn giải quyết

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

STT	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, cách thức thực hiện	Tên VBQPPL quy định TTHC thay thế	Ghi chú
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	1.001662	14 ngày	Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Trực tuyến tại địa chỉ: https://dichvucong.quangngai.gov.vn/ ; https://dichvucong.gov.vn	Nghị định số 54/2024/ND-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ	Thay thế tên TTHC; sửa đổi thời hạn giải quyết
2	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giây trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hồ đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m) có lưu lượng từ 12.000 m ³ /ngày đêm trở lên	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)	1.001645	42 ngày			Thay thế tên TTHC; sửa đổi thời hạn giải quyết

PHẦN IV. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã hồ sơ TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Cơ quan thực hiện
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất	1.011517	Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường